

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn,  
huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070;

Căn cứ Quyết định số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa;

Căn cứ Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030;

Căn cứ văn bản tham gia ý kiến của các ngành tại: Văn bản số 3266/SXD-QH ngày 25/05/2023 của Sở xây dựng; Văn bản số 2105/SNN&PTNT-KHTC ngày 08/05/2023 của Sở nông nghiệp và PTNT; Văn bản số 2505/SGTVT-KHTC ngày 06/05/2023 của Sở Giao thông vận tải; Văn bản số 1940/SVHTTDL-XDNSVHGĐ ngày 26/04/2023 của sở Văn hóa, thể thao – du lịch về việc tham gia ý kiến đồ án

quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

Theo đề nghị của phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 225/TĐ-KTHT ngày 15/06/2023 (Kèm theo Tờ trình số 26<sup>a</sup>/TTr-UBND ngày 05/6/2023 của UBND xã Hoàng Sơn về việc Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030).

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030, gồm những nội dung chính như sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới và quy mô lập quy hoạch**

**1.1. Tên đồ án:** Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

#### **1.2. Vị trí, phạm vi ranh giới.**

Phạm vi ranh giới lập quy hoạch bao gồm toàn bộ địa giới hành chính xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa. Có các hướng tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp xã Tiến Lộc, huyện Hậu Lộc.
- Phía Nam giáp xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc.
- Phía Tây giáp xã Hoàng Trinh, xã Hoàng Quý.
- Phía Đông giáp xã Mỹ Lộc, xã Thuần Lộc huyện Hậu Lộc.

**1.3. Quy mô diện tích lập quy hoạch:** 569,64ha

### **2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã.**

#### **2.1. Mục tiêu quy hoạch:**

- Cụ thể hóa các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 1481/QĐ-UBND ngày 29/04/2020 về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2040 định hướng đến năm 2070; số 3731/QĐ-UBND ngày 24/09/2021 về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 huyện Hoàng Hóa.

- Cụ thể hóa Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030.

#### **2.2. Tính chất, chức năng của xã.**

Quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn là quy hoạch xây dựng nông thôn. Chức năng theo quy hoạch vùng huyện Hoàng Hóa đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 1481/QĐ-UBND ngày 29/4/2020. Tập trung phát triển nông nghiệp công nghệ cao và phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ.

### **3. Quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

#### **3.1. Quy mô dân số, lao động.**

- Dân số hiện trạng: 6.626 người.
- Quy mô dân số dự báo giai đoạn 2020 – 2030, như sau:
  - + Đến năm 2025: khoảng 7.994 người
  - + Đến năm 2030: khoảng 9.937 người

- Quy mô lao động (ước tính 60% – 70% dân số), tương ứng:
- + Lao động đến năm 2025: 4.140 người.
- + Lao động đến năm 2030: 5.156 người.

### **3.2. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.**

#### **3.2.1. Về sử dụng đất:**

Thực hiện tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng. Áp dụng các chỉ tiêu cho khu vực nông thôn, cụ thể như sau:

- Điểm dân cư nông thôn:
- Điểm dân cư nông thôn:
- + Đất xây dựng nhà ở:  $\geq 25\text{m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất xây dựng công trình công cộng và dịch vụ:  $\geq 5\text{ m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất giao thông và công trình hạ tầng kỹ thuật:  $\geq 5\text{m}^2/\text{người}$ ;
- + Đất cây xanh công cộng:  $\geq 2\text{ m}^2/\text{người}$ ;

*(Chỉ tiêu đất xây dựng trên không bao gồm đất bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp tỉnh, huyện)*

#### **3.2.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật.**

- Cấp nước sinh hoạt: 60-80 lít/người/ngày-đêm;
- Cấp điện sinh hoạt:  $\geq 150\text{W}/\text{người}/\text{ngày}/\text{đêm}$ ; Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng  $\geq 50\%$ ;
- Nước thải sinh hoạt:  $\geq 80\%$  lượng nước cấp;
- Chất thải rắn sinh hoạt: 0,9kg rác/người/ngày/đêm.

### **4. Phân khu chức năng.**

- Khu trung tâm xã.
- Tổ chức hệ thống công trình công cộng.
- Hệ thống các khu dân cư mới và cải tạo.
- Tổ chức các khu vực sản xuất.
- Các công trình đầu mối, kết nối hạ tầng

### **5. Định hướng quy hoạch không gian tổng thể xã.**

#### **5.1. Khu trung tâm xã**

Khu trung tâm xã hiện nay đã và đang hình thành và xây dựng nằm trên trục đường Tỉnh lộ 509, thuộc thôn Lương Quán và thôn Cần Kiệm, đây là khu vực trung tâm, tập trung các công trình hành chính, công cộng, dịch vụ chính của toàn xã: UBND xã, bưu điện, nhà văn hóa, sân thể thao, thư viện, trường học, trạm y tế, khu sản xuất kinh doanh...kết hợp với một khu cây xanh. Quy mô phát triển trung tâm xã khoảng 30,0ha.

#### **5.2. Định hướng tổ chức công trình công cộng.**

**5.2.1. Khu công sở xã:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Lương Quán, với diện tích khuôn viên 0,48ha.

#### **5.2.2. Hội trường Nhà văn hóa đa năng xã – Khu thể thao xã.**

a. Hội trường Nhà văn hóa đa năng xã: Giữ nguyên vị trí trong khuôn viên công sở xã tại thôn Lương Quán.

b. Khu thể thao xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Bản Thành với diện tích

1,02ha.

c. Sân vận động xã: Giữ nguyên vị trí tại thôn Lương Quán, quy hoạch mở rộng 0,70ha, diện tích sau mở rộng là 1,57ha.

### **5.2.3. Nhà văn hóa – khu thể thao thôn.**

#### **a. Nhà văn hóa thôn.**

- Nhà văn hóa thôn Tuần Lương: Giữ nguyên diện tích hiện trạng là 0,28ha, mở rộng với diện tích 0,17ha, diện tích sau mở rộng là 0,45ha.

- Nhà văn hóa thôn Lương Quán: Giữ nguyên với diện tích hiện trạng 0,18ha.

- Nhà văn hóa thôn Cần Kiệm: Giữ nguyên với diện tích hiện trạng 0,38ha.

- Nhà văn hóa thôn Liêm Chính:

+ Vị trí 1: Giữ nguyên với diện tích hiện trạng 0,08ha.

+ Vị trí 2: Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng 0,19ha, mở rộng với diện tích 0,08ha, diện tích sau mở rộng là 0,27ha.

- Nhà văn hóa thôn Bản Thành:

+ Vị trí 1: Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng là 0,21ha.

+ Vị trí 2: Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng là 0,08ha.

- Nhà văn hóa thôn Bản Định: Giữ nguyên vị trí hiện tại với diện tích 0,46ha.

- Nhà văn hóa thôn Cẩm Lũ: Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng là 0,17ha, mở rộng với diện tích 0,10ha, diện tích sau mở rộng là 0,27ha.

- Nhà văn hóa thôn Xuân Sơn: Giữ nguyên vị trí hiện trạng với diện tích 0,39ha.

#### **b. Khu thể thao thôn.**

Trong kỳ quy hoạch tới, các thôn không quy hoạch khu thể thao thôn, sẽ sử dụng trong khuôn viên của các nhà văn hóa. Cần đầu tư các dụng cụ thể thao đơn giản về các bộ môn như bóng chuyền, cầu lông, xà đơn, xà kép, trang bị các trò chơi thiếu nhi và một số trang thiết bị cần thiết phục vụ nhu cầu vui chơi, giải trí của trẻ em và người cao tuổi.

- Cơ cấu công trình sân thể thao:

+ Sân tập thể thao đơn giản:  $\geq 250 m^2$

+ Phòng tập đơn giản:  $24m \times 12m$

### **5.2.4. Công trình y tế:**

a. Trạm y tế xã: Giữ nguyên vị trí trạm y tế xã tại thôn Cẩm Lũ diện tích 0,26ha.

b. Phòng khám y tế: Quy hoạch phòng khám với tại khu vực Đồng Kênh thôn Cẩm Lũ với diện tích 0,75ha.

### **5.2.5. Công trình giáo dục.**

a. Trường mầm non Hoàng Sơn 1: Giữ nguyên vị trí tại thôn Cẩm Lũ với diện tích khuôn viên 0,28ha.

b. Trường mầm non Hoàng Sơn 2: Giữ nguyên vị trí tại thôn Lương Quán, quy hoạch mở rộng 0,20ha, diện tích sau mở rộng là 0,48ha.

*b. Trường tiểu học và Trung học cơ sở Hoàng Sơn 1:* Giữ nguyên ở vị trí tại thôn Bản Thành với diện tích 0,80ha.

*c. Trường tiểu học và Trung học cơ sở Hoàng Sơn 2:* Giữ nguyên vị trí tại thôn Lương Quán với diện tích 1,15ha.

#### **5.2.6. Điểm bưu điện văn hóa xã:**

- Vị trí 1: Giữ nguyên tại thôn Cần Kiệm với diện tích khuôn viên 0,02ha.

- Vị trí 2: Giữ nguyên tại thôn Cẩm Lũ với diện tích khuôn viên 0,02ha.

**5.2.7. Đài tưởng niệm:** Giữ nguyên vị trí tại thôn Lương Quán với diện tích 0,32ha.

**5.2.8. Đất an ninh:** Quy hoạch diện tích đất trụ sở công an xã tại thôn Lương Quán với diện tích 0,10ha.

**5.2.9. Đất quốc phòng:** Quy hoạch ban chỉ huy quân sự xã tại thôn Lương Quán với diện tích 0,12ha.

#### **5.2.10. Khu vui chơi giải trí công cộng – Cây xanh:**

- Khu vực thôn Cần Kiệm với diện tích 0,70ha.

- Khu vực thôn Bản Thành với diện tích 0,52ha.

- Khu vực thôn Lương Quán với diện tích 0,54ha.

- Khu vực thôn Cẩm Lũ với diện tích 0,15ha.

- Khu vực thôn Bản Định với diện tích 0,18ha.

- Khu vực thôn Bản Thành với diện tích 0,13ha.

- Khu vực thôn Cẩm Lũ với diện tích 0,15ha.

**5.2.10. HTX dịch vụ nông nghiệp:** Quy hoạch hợp tác xã dịch vụ tại khu vực Mã Đang thôn Cần Kiệm với diện tích 0,30ha.

#### **5.2.11. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng, di tích, đình đền**

- Di tích Đền thờ Lê Phụng Hiếu: Giữ nguyên vị trí tại thôn Xuân Sơn, quy hoạch mở rộng với diện tích 0,22ha, diện tích sau quy hoạch là 0,49ha.

- Di tích đền thờ Lê Liễu: Giữ nguyên vị trí tại thôn Bản Định với diện tích 0,03ha.

- Di tích Nhà thờ Vương Đình Chiêu: Giữ nguyên vị trí tại thôn Bản Thành với diện tích 0,03ha.

- Di tích nhà thờ tướng quân Đỗ Văn Gạo: Giữ nguyên vị trí tại thôn Xuân Sơn với diện tích 0,02ha.

### **5.3. Định hướng tổ chức quy hoạch khu dân cư mới và cải tạo.**

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng tại 8 thôn: thôn Tuấn Lương, thôn Lương Quán, thôn Cần Kiệm, thôn Liêm Chính, thôn Bản Định, thôn Bản Thành, thôn Cẩm Lũ, thôn Xuân Sơn. Cải tạo, chỉnh trang, đồng thời ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các thôn thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt của các thôn, xóm với diện tích 57,84ha (Ký hiệu: DCHT-01 đến DCHT-125)

- Bố trí quỹ đất xây dựng các khu dân cư mới đến năm 2030 với diện tích 26,41ha (Ký hiệu: DCM-01 đến DCM-08).

### **5.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất**

#### **5.4.1 Khu sản xuất nông nghiệp.**

Chú trọng mở rộng diện tích trồng RAT ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp như hệ thống phun tự động, bón phân tự động; tập trung ưu tiên cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi cho các vùng chuyên canh sản xuất RAT nhằm nâng cao năng suất, thu nhập trên cùng một đơn vị diện tích...

#### 5.4.2. Khu công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề.

- Khu sản xuất kinh doanh Đồng Lò Ngói thôn Cẩm Lũ với diện tích 3,15ha.

#### 5.4.3. Khu vực xây dựng chức năng khác.

- Quy hoạch Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp tại khu vực Mã Đàng thôn Cần Kiệm với diện tích 0,30ha.

- Khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn tại khu vực Mã Đàng thôn Cần Kiệm với diện tích 0,44ha.

- Khu thương mại dịch vụ Đồng Kênh thôn Cẩm Lũ với diện tích 0,28ha.

### 6. Quy hoạch sử dụng đất

Căn cứ vào tiềm năng đất đai, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Hoằng Hóa và các quy hoạch chi tiết trên địa bàn xã. Sau khi điều tra thu thập, xử lý và tổng hợp nhu cầu sử dụng đất của các quy hoạch chi tiết ngành, dự báo về nhu cầu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã như sau:

**Bảng 1: Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030**

TT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>569,64</b>	<b>100,00</b>	<b>569,64</b>	<b>100,00</b>	<b>569,64</b>	<b>100,00</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>407,84</b>	<b>71,60</b>	<b>352,29</b>	<b>61,84</b>	<b>292,89</b>	<b>51,42</b>
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	379,73	66,66	324,60	92,14	265,45	90,63
1.2	Đất lâm nghiệp	12,30	2,16	12,30	2,16	12,30	2,16
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	15,16	2,66	14,74	2,59	14,49	2,54
1.4	Đất làm muối		0,00	-	-	-	-
1.5	Đất nông nghiệp khác	0,65	0,11	0,65	0,11	0,65	0,11
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>142,48</b>	<b>25,01</b>	<b>198,03</b>	<b>34,76</b>	<b>257,43</b>	<b>45,19</b>
2.1	Đất ở	57,84	10,15	70,66	12,40	84,25	14,79
2.2	Đất công cộng	7,47	1,31	8,47	1,49	8,67	1,52
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	1,02	0,18	4,25	0,75	4,25	0,75
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	0,53	0,09	0,75	0,13	0,90	0,16
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	5,09	0,89	28,24	4,96	72,02	12,64
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	-	-	-	-	-	-
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	2,49	0,44	3,51	0,62	3,51	0,62
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	61,51	10,80	75,41	13,26	77,09	13,55
2.8.1	Đất giao thông	54,12	9,50	65,51	11,50	65,98	11,58

TT	Mục đích sử dụng đất	Năm 2020		Năm 2025		Năm 2030	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	<b>Diện tích tự nhiên</b>	<b>569,64</b>	<b>100,00</b>	<b>569,64</b>	<b>100,00</b>	<b>569,64</b>	<b>100,00</b>
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0,33	0,06	0,33	0,06	1,33	0,23
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	6,96	1,22	9,47	1,66	9,47	1,66
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,10	0,02	0,10	0,02	0,10	0,02
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	4,53	0,80	4,53	0,80	4,53	0,80
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	2,00	0,35	2,21	0,04	2,21	0,04
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>19,32</b>	<b>3,39</b>	<b>19,32</b>	<b>3,39</b>	<b>19,32</b>	<b>3,39</b>
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	15,18	2,66	15,18	2,66	15,18	2,66
3.2	Đất chưa sử dụng	4,14	0,73	4,14	0,73	4,14	0,73

## **7. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối.**

### **7.1. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật.**

#### **7.1.1. Hệ thống giao thông:**

Hệ thống giao thông xã được chia 02 hệ thống: Giao thông đối ngoại và giao thông đối nội. Cụ thể:

#### **a. Hệ thống giao thông đối ngoại:**

##### **- Đường Tỉnh lộ:**

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến TL509, qua địa bàn xã với chiều dài 2,45km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường 12,0m; Hành lang giao thông 15,0m x 2. Lộ giới 42,0m.

+ Quy hoạch mới tuyến Cầu Nguyệt Viên đi Đò Lèn, qua địa bàn xã với chiều dài 2,63km, đạt tiêu chuẩn đường cấp III. Lòng đường 10,5m x 2; Đường gom 7,5m x 2; Hè đường 5,0m x 2; Phân cách 3,0m x 2 và 4,0m x 1. Lộ giới 56,0m.

##### **- Đường huyện:**

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoàng Trinh – Hoàng Cát (ký hiệu ĐH-HH.05) qua xã với chiều dài 0,41km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 17,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới: 27,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoàng Sơn – Hoàng Trinh (ký hiệu ĐH-HH.08 cũ) qua xã với chiều dài 2,92km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 17,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới: 27,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Hoàng Sơn – Hoàng Trinh mới (ký hiệu ĐH-HH.08 mới) qua xã với chiều dài 1,94km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường: 17,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới: 27,5m.

+ Nâng cấp, cải tạo tuyến Tỉnh lộ 509 đến huyện Hậu Lộc (ký hiệu ĐH-HH.38), qua địa bàn xã với chiều dài 2,64km, đạt tiêu chuẩn đường cấp IV. Lòng đường 10,5m - 17,5m. Lộ giới 20,5 – 27,5m.

**b. Hệ thống giao thông đối nội:**

- Đường trục xã, liên xã:

+ Quy hoạch mở mới tuyến từ xã Hoàng Trinh đến TL 509, với chiều dài 1,86km (ký hiệu ĐTX.HS.01) đạt tiêu chuẩn đường Đô thị. Lòng đường 7,5 x 2m; Hè đường: 5,0m x 2; Phân cách 3,0m x 1. Lộ giới: 28,0m.

+ Nâng cấp, cải tạo 01 tuyến hiện trạng từ TL 509 đến ông Mâm (ký hiệu ĐTX.HS.02), với chiều dài 1,04km, đạt tiêu chuẩn đường cấp VI. Lòng đường 7,5m; Hè đường: 5,0m x 2. Lộ giới: 17,5m.

- Tuyến đường trục thôn, liên thôn:

+ Nâng cấp cải tạo 27 tuyến, với tổng chiều dài 6,03km (ký hiệu: ĐTT-HS.01 - ĐTT-HS.03; ĐTT-HS.05 - ĐTT-HS.07; ĐTT-HS.10 - ĐTT-HS.29) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp A. Mặt đường: 4,5m; Lề gia cố: 1,0m x 2; Lộ giới: 6,5m.

+ Mở rộng 02 tuyến với chiều dài 0,77km (ký hiệu ĐTT-HS.04; ĐTT-HS.09), đạt tiêu chuẩn đường cấp V. Lòng đường 7,5m; Hè đường 5,0m x 2. Lộ giới 17,5m.

- Tuyến đường ngõ xóm: Nâng cấp, cải tạo gồm 21 tuyến với tổng chiều dài 3,4km (Ký hiệu ĐNX-HS.01 đến ĐNX-HS.21) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường GTNT cấp B. Mặt đường: 3,5m; Lề gia cố: 0,75mx2; Lộ giới: 5,0m.

**7.1.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt**

- Cao độ các khu vực dân cư hiện trạng được giữ nguyên, các khu dân cư mới, cốt nền xây dựng phải phù hợp với hiện trạng. Khi thiết kế nâng cốt nền cần xem xét và nghiên cứu đến khả năng tiêu thoát nước, không gây ngập úng cục bộ cho các khu hiện trạng. Đối với các khu nông nghiệp sản xuất, giữ nguyên độ cao nền để đảm bảo nhu cầu sản xuất.

- San nền cục bộ trong từng lô chức năng, hướng dốc nền ra các tuyến đường giao thông quy hoạch; Độ dốc san nền tuân thủ quy hoạch được duyệt đảm bảo cho nước mặt tự chảy.

**7.1.3. Quy hoạch hệ thống cấp nước.**

**a. Nhu cầu cấp nước**

- Nước cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: nước dùng trong sinh hoạt, ăn uống cho người dân; nước dùng cho các công trình phục vụ công cộng như: Trường học, y tế, nhà văn hóa, trụ sở các cơ quan; nước dùng cho trang trại chăn nuôi, gia súc, gia cầm; nước dùng cho các cơ sở sản xuất chế biến nông sản và các công nghiệp khác.

- Nhu cầu cấp nước đến năm 2025 là 876m<sup>3</sup>/ngày đêm. Đến năm 2030 là 1.116m<sup>3</sup>/ngày đêm.

**b. Nguồn nước và mạng lưới đường ống.**

- Nguồn nước sạch: Được lấy từ Nhà máy nước sạch Hậu Lộc đến các hộ gia đình, công suất 5.000 (m<sup>3</sup>/ngđ)



- Mạng lưới đường ống: Xây dựng các tuyến ống truyền dẫn (D300 đến D500) và các tuyến phân phối (D100 đến D200) từ nhà máy nước Hậu Lộc chạy dọc theo các tuyến đường quy hoạch trong khu vực đảm bảo cấp nước cho xã theo định hướng hoạch chuyên ngành cấp nước đã được phê duyệt.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Được thiết kế sử dụng chung với đường ống cấp nước sinh hoạt, các họng cứu hoả đấu nối với đường ống cấp nước có đường kính  $\geq D100$  mm và khoảng cách giữa các họng cứu hoả khoảng 100-150m.

### **c. Cấp nước:**

- Năm 2020 trên địa bàn xã đã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước sạch Hậu Lộc công suất 5.000(m<sup>3</sup>/ngđ) được 90% tổng số hộ.

- Năm 2030 trên địa bàn xã sử dụng nước sạch từ Nhà máy nước sạch Hậu Lộc công suất 5.000 (m<sup>3</sup>/ngđ) được 100% tổng số hộ.

### **7.1.4. Hệ thống cấp điện**

#### **a. Nhu cầu điện**

- Điện cấp trong phạm vi toàn xã bao gồm: Điện dùng trong sinh hoạt ;Điện dùng cho các công trình phục vụ công cộng; Điện dùng trong sản xuất ....

- Nhu cầu cấp điện toàn xã đến năm 2025 là 2.165KVA. Đến năm 2030 là 2.691 KVA.

#### **b. Cấp điện**

- Nguồn điện: Trạm 110KV Hoằng Hóa, thông qua đường dây trung áp 22KV cấp cho xã.

- Đường dây điện: Duy trì đi nối theo cột điện, cải tạo và nâng cấp tuyến đường dây

+ Đường dây hạ thế 0,4KV với chiều dài 32,8km

+ Đường dây trung thế 22KV với chiều dài 8,5km

- Trạm điện: Giữ nguyên 12 trạm biến áp và công suất tại các vị trí hiện tại với tổng công suất 2.600KVA và các tuyến đường dây tải điện hiện có; Mở mới TBA số 13 ( thôn Lương Quán) với công suất 400 KVA . Tổng công suất các trạm sau khi nâng cấp là 3.000 KVA đảm bảo cho nhu cầu sử dụng điện trong giai đoạn đến năm 2030.

### **7.1.5. Hạ tầng viễn thông thụ động**

Hiện tại trên địa bàn xã đã có 4 trạm phát sóng của các nhà mạng: Viettel, Vinaphone, Mobifone, Vietnam mobile. Các trạm phát sóng đã được đầu tư xây dựng kiên cố, phủ sóng toàn bộ các khu vực dân cư trên toàn xã, đường truyền ổn định, cơ bản đã đáp ứng đầy đủ nhu cầu sử dụng mạng viễn thông của nhân dân.

Trong thời gian tới, do nhu cầu sử dụng mạng viễn thông tăng đáng kể cùng với sự phát triển của công nghệ điện tử, cần nâng cấp và hoàn thiện hệ thống viễn thông để đảm bảo cung cấp dịch vụ tốt nhất cho nhân dân.

Đối với các hệ thống cáp viễn thông hiện hữu, thực hiện cải tạo, chỉnh trang đảm bảo mỹ quan và an toàn cho người dân theo lộ trình:

+ Loại bỏ các đường dây cáp, sợi cáp không còn sử dụng;

+ Thực hiện buộc gọn, gia cố hệ thống dây cáp;

+ Hạ ngầm các tuyến cáp treo thuộc các khu vực, tuyến hướng theo quy hoạch phải ngầm hóa mạng cáp;

+ Loại bỏ hoặc hạ ngầm các tuyến cáp treo tại các ngã tư, nút giao thông và tuyến cáp cắt ngang qua đường giao thông.

### **7.1.6. Công trình hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường**

#### **a. Hệ thống xử lý nước thải**

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Nước thải đều chảy về rãnh có nắp đan chạy song song với đường giao thông và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Quy hoạch trạm xử lý nước thải tập trung khu vực Cồn Súng thôn Bản Thành với diện tích 0,20ha, quy mô công suất dự kiến 1.000m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Phương án thoát nước: Với các điểm dân cư tập trung cần xây hệ thống mương nắp đan thu nước sau đó dẫn ra các kênh tiêu và đổ ra kênh thoát, còn các điểm dân cư thưa thớt thiếu tập trung trước mắt vẫn sử dụng phương pháp thấm thấu có biện pháp xử lý triệt để đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường.

#### **b. Hệ thống rác thải, chất thải**

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt đến năm 2025: 6.395 kg/ngđ; đến năm 2030 khoảng: 7.950 kg/ngđ.

- Theo Điều chỉnh quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025 được Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3407/QĐ-UBND ngày 08/9/2016. Cụ thể như sau:

+ Rác thải nông nghiệp: Rác thải từ các trang trại chăn nuôi tập trung được tái chế tại chỗ làm phân hữu cơ, làm Bioga sử dụng thắp sáng, đun nấu,...

+ Rác thải sinh hoạt: Rác thải sinh hoạt của xã Hoằng Sơn được thu gom về khu xử lý rác thải tại đồng Lù Cù thôn Cẩm Lũ với diện tích 1,0ha, với công suất dự kiến 16 tấn/ngđ.

+ Rác thải y tế: Được thu gom và vận chuyển xử lý tại bệnh viện Đa Khoa Hậu Lộc.

#### **c. Quy hoạch nghĩa trang**

Đối với các nghĩa trang hiện có đảm bảo khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường từng bước cải tạo, mở rộng diện tích, xây dựng hoàn thiện hạ tầng theo các quy định hiện hành về chỉ tiêu đất nghĩa trang.

### **7.2. Công trình hạ tầng phục vụ sản xuất**

#### **a) Hệ thống giao thông nội đồng:**

- Cơ bản giữ nguyên mạng lưới hệ thống giao thông nội đồng hiện có. Mở rộng nền đường và nâng cấp mặt đường 3,0m ÷ 5,0m các tuyến trục chính đảm bảo đi lại và vận chuyển hàng hoá thuận tiện, đáp ứng tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

- Tuyến đường nội đồng: gồm 05 tuyến (Ký hiệu: ĐNĐ-HS.01 đến ĐNĐ-HS.05) với tổng chiều dài 7,45km. Mặt đường: 3,5m – 4,0m; Lê đường: 1,0m x2; Lộ giới: 5,0m – 6,5m.

#### **b) Hệ thống thủy lợi:**

- Quy hoạch chỉnh trang nạo vét, đắp bờ, khơi thông dòng chảy các hệ thống kênh mương nội đồng với chiều dài 13,90km.

## **8. Các dự án, công trình ưu tiên đầu tư và nguồn vốn.**

### **8.1. Các dự án hạ tầng kỹ thuật**

- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp các tuyến đường giao thông;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi;
- Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp điện;
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước trong khu dân cư hiện trạng.

### **8.2. Các dự án hạ tầng xã hội**

- Dự án xây dựng mới các công trình di tích, công trình tín ngưỡng .
- Dự án mở rộng sân vận động xã.
- Dự án đầu tư xây dựng mới các công trình: Công an xã, Ban chỉ huy; quân sự; Chợ

- Dự án đầu tư xây dựng các điểm dân cư nông thôn đối với các vị trí được xác định trong giai đoạn ngắn hạn

**8.2. Nguồn vốn:** Từ nguồn vốn ngân sách và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

## **9. Tiến độ và giải pháp tổ chức thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã.**

### **9.1. Tiến độ thực hiện.**

- Giai đoạn ngắn hạn: Đến năm 2025
- Giai đoạn dài hạn: Đến năm 2030.

### **9.2. Giải pháp tổ chức thực hiện**

- UBND xã Hoàng Sơn  
 + Tổ chức công bố công khai đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các tổ chức, cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan biết, thực hiện và giám sát thực hiện.

+ Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và quy định hiện hành.

+ Cung cấp các thông tin quy hoạch cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu đầu tư, xây dựng trên địa bàn xã.

+ Xây dựng kế hoạch cắm mốc chỉ giới quản lý các công trình hạ tầng thuộc địa phương để quản lý đúng quy hoạch phục vụ phát triển.

+ Vận động, tuyên truyền trong nhân dân thông hiểu và hưởng ứng thực hiện quy hoạch, cải tạo chỉnh trang khu dân cư, xây dựng nếp sống văn minh văn hóa để đạt tiêu chí nông thôn mới.

+ Thường xuyên rà soát và báo cáo UBND huyện (Phòng kinh tế và hạ tầng) về tiến độ, khối lượng và các vướng mắc nếu có trong công tác thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã theo năm.

- Các phòng, ban, ngành huyện và đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Sơn tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân xã Hoàng Sơn có trách nhiệm:

- Hoàn thiện hồ sơ, đóng dấu bản vẽ và lưu trữ hồ sơ theo quy định;
- Tổ chức công bố, công khai rộng rãi nội dung đề án quy hoạch chung xây dựng xã Hoàng Sơn, huyện Hoàng Hóa đến năm 2030 để các cơ quan, tổ chức, đơn vị, nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.
- Phối hợp với các phòng, ban, ngành và các cơ quan có liên quan tổ chức, triển khai thực hiện đúng quy hoạch được duyệt và các quy định hiện hành.
- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị khu vực trung tâm xã, tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ...) quản lý theo quy định.

2. Các phòng, ban, ngành cấp huyện và các đơn vị có liên quan căn cứ quy hoạch được duyệt, phối hợp với UBND xã Hoàng Sơn tổ chức, triển khai thực hiện quy hoạch đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND-UBND huyện, Trưởng phòng kinh tế và hạ tầng, phòng Tài nguyên Môi trường, phòng Tài Chính - Kế hoạch, Phòng NN&PTNT, thủ trưởng các ngành huyện có liên quan và UBND xã Hoàng Sơn chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận***

- Như Điều 3 QĐ (t/h);
- CT, các PCT UBND huyện (b/c);
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Thanh Hải**